

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/01/2022  
V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hoàng Diễm

Bà Lê Hải Vân

**-Thư ký phiên tòa:** ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Nga - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân thụ lý số: 546/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kiều X, sinh năm 1998 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: anh Trần Hoàng K, sinh năm 1992 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre

(chị X, anh K có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều X trình bày:

Chị và anh K tự nguyện chung sống năm 2016, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Trong quá trình chung sống có một con chung tên Trần K Long sinh 14/7/2016. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xung đột. Từ tháng 12 năm 2020 chị đã sống ly thân với anh K cho đến nay. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho chị.

Về con chung: chị đồng ý giao con chung tên Trần K L sinh ngày 14/7/2016 cho anh K nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong phiên xét xử, chị vẫn giữ yêu cầu như trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Bị đơn anh Trần Hoàng K dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh không tham gia các phiên hòa giải cũng như công khai chứng cứ tại tòa. Tuy nhiên anh K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong phiên xét xử vì anh đang đi làm xa không về được. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh K trình bày: anh đồng ý ly hôn, anh đồng ý nhận nuôi con chung tên Trần K Long sinh 14/7/2016 và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung : không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán trong quá trình tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về tố tụng; đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều X. Ghi nhận chị X và anh K không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau. Đề nghị giao con chung tên Trần K Long cho anh K nuôi dưỡng, ghi nhận anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Chị X và anh K tự nguyện chung sống năm 2016, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M , C, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Kiều X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải cho bị đơn anh Trần Hoàng K để hòa giải với chị X, nhưng anh K vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Trong quá trình có quyết định đưa vụ án tra xét xử anh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị X, anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế chị X và anh K đã sống ly thân nhau. Trong khoảng thời gian sống ly thân chị X và anh K có thể suy nghĩ và bàn bạc phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh chị vẫn không làm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự họp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K vẫn không đến tham dự phiên hoà giải. Điều đó cho thấy, anh K không thể hiện thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tại phiên tòa chị X và anh K đều yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều X.

[5] Từ những nhận định trên đây, xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị X đồng ý giao con chung tên Trần K L sinh ngày 14/7/2016 cho anh K nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt anh K có trình bày anh nhận nuôi con chung tên Trần K L sinh ngày 14/7/2016, hiện tại cháu L đang sống cùng anh và bà nội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho anh K nuôi là chính đáng và phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: chị X và anh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

[8] Về nợ chung: chị X và anh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

[9] Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Trần Hoàng K không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[10] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị X phải nộp.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều X đối với anh Trần Hoàng K.

*Về hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Kiều X được ly hôn với anh Trần Hoàng K.

*Về con chung:* Sau khi ly hôn, anh Trần Hoàng K được trực tiếp nuôi con chung tên Trần K L sinh ngày 14/7/2016. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Kiều X được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* chị X và anh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

*Về nợ chung:* chị X và anh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

*Về án phí:* Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị X phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001229 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh**

